**Tiết PPCT: 109**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*  *+ Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì? Các yếu tố ấy có mối liên hệ với nhau như thế nào?*  *+ Theo em, trong tình huống nào thì chúng ta cần thực hiện bài nói Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài  Bày tỏ ý kiến là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Vậy làm thế nào để việc trình bày ý kiến một cách phù hợp, được mọi người ghi nhận? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng này. | - Hs chia sẻ ý kiến: Trong cuộc sống, có những tình huống thực tế trong đời sống cần đến kĩ năng trình bày ý kiến: ứng cử chức lớp trưởng, đóng góp ý kiến cho việc may đồng phục của lớp, những đóng góp cho các hoạt động lễ kỉ niệm ngày 20/11… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | Mục đích bài nói |  |  | | Người nghe |  |  | | Thời gian |  |  | | Không gian |  |  |   + Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày*  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS luyện nói  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến  thức | **2. Luyện tập và trình bày bài nói**  **a. Luyện tập**  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói  - Sử dụng những từ ngữ nối: mặt khác, hơn nữa, bên cạnh đó…  - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc hấp dẫn như chiếu hình ảnh hoặc video, đưa ra một sự vật để khơi dậy trí tò mò…  **b. Trình bày**  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước  - Trình bày từ khái quát đến cụ thể  - Kết nối các tư liệu trực quan  - Chú ý cách tương tác với khan giả |

|  |  |
| --- | --- |
| **Trao đổi về bài nói**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà | - Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày cỏ đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

**PHT số 2**

**Ý KIẾN**

….

**Lí lẽ 1**

…

**Lí lẽ 2**

…

**Lí lẽ 3**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

….

Sơ đồ

**Ý KIẾN CỦA TÔI**

Lí lẽ 1

Lí lẽ 2

Lí lẽ 3

Bằng chứng 1.1, 1.2,…

Bằng chứng 2.1, 2.2,…

Bằng chứng 3.1, 3.2,…

**Tiết PPCT: 111**

**ÔN TẬP**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật**  Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Phải chăng chỉ có …… mới làm nên hạnh phúc? (8 kí tự)  Câu 2. Nhân vật trong truyền thuyết được đánh giá là vừa phi thường, vừa đời thường. (10 kí tự)  Câu 3. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “ Học thầy không tày ……..”(6 kí tự)  Câu 4. Sau khi trình bày bài nói cần lắng nghe …… từ người nghe. (7 kí tự)  Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Khi trao đổi với người nghe cần có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ……. ý kiến của khan giả.” (7 kí tự)  Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Người nói ….. khái quát đến cụ thể.” (8 kí tự)  Câu 7. Làm đi làm lại nhiều lần theo nội dung đã học cho thành thạo được gọi là gì? (8 kí tự)  *- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn tập các kiến thức trong bài 8. | **Câu 1- NGỌT NGÀO**  **Câu 2- THÁNH GIÓNG**  **Câu 3- HỌC BẠN**  **Câu 4- PHẢN HỒI**  **Câu 5 – GHI CHÉP**  **Câu 6- TRÌNH BÀY**  **Câu 7- LUYỆN TẬP** |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập theo bảng trong SGK theo nhóm, chia lớp thành 3 nhóm*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tác phẩm** | **Ý kiến** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Học thầy, học bạn |  |  | | Bàn về nhân vật Thánh Gióng |  |  | | Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? |  |  |   + *Những góc nhìn khác nhau về cuộc sống được thể hiện qua từng văn bản? Từ đó, em rút ra bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá về một vấn đề,*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **I. Ôn tập văn bản**  ***Câu 1,2***  - Học thầy, học bạn  - Bàn về nhân vật Thánh Gióng  - Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?  **Câu 3**  - Mỗi văn bản, các tác giả đều có những góc nhìn riêng của mình về vấn đề đặt ra. Qua đó, khi nhìn nhận, đánh giá, chúng ta cần có góc nhìn sáng suốt, hợp lí và nhìn nhận đa chiều về một vấn đề. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Ý kiến** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Học thầy, học bạn | *Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng*  *Ý kiến 2: Học từ bạn cũng rất cần thiết.* | - Lí lẽ 1: Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề chạm khắc, hoặc nghiên cứu khoa học.  - Bằng chứng 1: danh họa Lê-ô-rơ-đô Đa Vin-chi nổi tiếng thế giới nếu không có sự dẫn dắt của thầy Ve-rốc-chi-ô thì dù có tài năng thiên bẩm cũng khó mà thành công.  - Lí lẽ 2: Thói thường người ta chỉ nhận những đấng bề trên là thầy mà không nhận ra những người thầy trong những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình.  - Bằng chứng 2: đưa ra những lợi ích của việc học từ những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí. |
| Bàn về nhân vật Thánh Gióng | *Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.*  *Ý kiến 2: Thánh Gióng cũng mang những nét bình trường của con người trần thế.* | - Lí lẽ 1: Gióng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.  - Bằng chứng 1.1:Sự thụ thai thần kì.  - Bằng chứng 1.2: Sức mạnh, ý chí phi thường.  - Lí lẽ 2.1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.  - Bằng chứng 2.1: Người làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu.  - Lí lẽ 2.2: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị.  Bằng chứng 2.2: Dù có siêu nhiên đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ”, “uống nước, ăn cơm với cà”, mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng, ngựa sắt, áo giáp sắt do vua Hùng tập hợp thợ rèn tài giỏi trong nước đúc nên.  - Lí lẽ 2.3: Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước.  - Bằng chứng 2.3: Hình ảnh cậu bé Gióng nằm im không nói, không cười nhưng khi giặc Ân xâm lăng thì vụt lớn đánh giặc thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của nhân dân. |
| Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? | *Ý kiến 1: Hạnh phúc là sự ngọt ngào*  *Ý kiến 2: Hạnh phúc còn được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, nỗi đau* | - Lí lẽ 1.1: Ngọt ngào mang đến cho con người sự thoải mái, sự bình yên nên hẳn nhiên đó là hạnh phúc.  - Bằng chứng 1.1: Một cử chỉ quan tâm, yêu thương, một lời hỏi han ngọt ngào của cha mẹ dành cho con, của bạn bè dành cho nhau cũng đủ khiến người ta cảm thấy vui vẻ và ấm lòng.  - Lí lẽ 1.2: Một cuộc sống giảu có, sung túc, đủ đầy giúp cho con người có thể làm điều minh thích mà không bị giới hạn bởi bát kì điều gì, điều ấy cũng làm cho cuộc sống thêm phần hạnh phúc, tươi đẹp.  - Bằng chứng 1.2: Tỉ phủ Bill Gates đã dành 45,68% tài sản của mình để thành lập quỹ từ thiện để giải quyết các vẫn đề về sức khoẻ và nghèo đói toàn cầu. Sự ngọt ngào ấy đã mang đến hạnh phúc cho những mảnh đời đang gặp khó khăn, khốn khó ở khắp nơi trên thế giới.  - Lí lẽ 2.1: Một người mẹ sinh con, dù đau đến thế nào vẫn chỉ cảm thấy vui sướng, hạnh phúc.  - Bằng chứng 2.1: Lần mẹ đau đớn nhất, khi sinh con. Lúc ấy mẹ mới cảm nhận được nỗi đau vượt cạn, đau đến tột cùng, chỉ muôn ngất đi. Nhưng rồi, trong nổi đau ấy, khi tiếng khóc của con cất lên, mẹ lại hạnh phúc vô cùng. Nhìn thấy con lúc ấy, mẹ mới hiểu được giá trị thực sự của hạnh phúc.  - Lí lẽ 2.2: Một người không may mắc những bệnh tật nguy hiểm, họ vẫn có thể cảm thấy hạnh phúc, vi họ vẫn còn thời gian để sống, để công hiến, làm những điều mình muốn.  - Bằng chứng 2.2: Võ Thị Ngọc Nữ, dù đang ở trong độ tuổi của những ước mơ, của những hoài bão. một tuổi trẻ nhiệt huyệt, đây đam mê, nhưng Ngọc Nữ lại mắc phải căn bệnh hiểm nghèo. Dẫu vậy, cô vẫn luôn tươi cười hạnh phúc, nhất là khi cỏ có thế được múa, được thực hiện điều mình mong muốn. Nhẹ nhàng, uyển chuyển, từng bước chân, tửng ánh mắt. |

**Hoạt động 2: Ôn tập về viết/ trình bày**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Khi viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, ta cần chú ý điều gì? Ghi lại những kinh nghiệm của em sau khi viết và chia sẻ bài viết.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận | **II. Ôn tập viết**  Khi viết văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, ta cần chú ý đến lý lẽ và bằng chứng. Các lý lẽ đưa ra phải phù hợp, có sức thuyết phục đối với người đọc. Đặc biệt là phải đưa ra bằng chứng cho các lý lẽ của mình thêm thuyết phục, không thể nói lý lẽ suông. |

**Hoạt động 3: Rút ra bài học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Thông qua kiến thức đã học và hiểu biết, theo em, cuộc sống từ góc nhìn của ta và từ góc nhìn của người khác liệu có giống nhau?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận | **III. Bài học**  Cuộc sống từ góc nhìn của chúng ta và người khác không thể giống nhau. Bởi lẽ, mỗi người sẽ có cái nhìn, suy nghĩ, quan điểm khác nhau về cuộc sống. Vì thế chúng ta cần biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đúng đắn, phản biện những ý kiến chưa hợp lí. Nhưng đồng thời cũng phải có chính kiến, biết trình bày, bảo vệ góc nhìn của mình |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP & VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi **:** Ong non làm việc  - HS thực hiện nhiệm vụ  **CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?**  A. Cách nhìn cuộc sống.  B. Những góc nhìn cuộc sống.  C. Tình yêu và cuộc sống.  D. Nhân ái và cuộc sống.  **CÂU 2: “Học thầy, học bạn” là tác phẩm của**  A. Nguyễn Thanh Tú  B. Hoàng Tiến Tựu  C. Phạm Thị Ngọc Diễm  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là**  A. Lí luận.  B. Lí lẽ, dẫn chứng.  C. Bình luận.  D. Tranh luận.  **CÂU 4: Kết bài của bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống cần phải làm gì?**  A. Giới thiệu vấn đề.  B. Giải thích vấn đề.  C. Khẳng định lại vấn đề.  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 5: Nhân vật vị vua và người hầu gợi cho em nhớ đến văn bản nào trong chủ đề?**  A. Góc nhìn  B. Bàn về nhân vật Thánh Gióng  C. Học thầy, học bạn.  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 6: Đâu là từ mượn trong các từ sau**  A. Mây xanh.  B. Cây cối.  C. Đất nước.  D. Xích lô.  **CÂU 7: Ngân khố nghĩa là gì?**  A. Cải trang đi ra khỏi nơi ở.  B. Ngầm ẩn bên trong.  C. Kho tiền của nhà nước.  D. Vẻ đẹp hoàn hảo trong hình dung.  **CÂU 8: Các văn bản của chủ đề nổi bật với thể loại văn nào?**  A. Nghị luận.  B. Tự sự.  C. Biểu cảm.  D. Miêu tả.  **CÂU 9: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…. cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết.”**  A. Vấn dề.  B. Luận điểm.  C. Bằng chứng.  D. Lí lẽ.  **CÂU 10: Cách để phát triển vốn từ là phải làm gì?**  A. Từ Hán Việt.  B. Từ láy.  C. Từ ghép.  D. Mượn từ. | Đáp án   1. B 2. A 3. B 4. C 5. A 6. D 7. C 8. A 9. D   10-D |